

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VINH PHÚCCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 28 /2017/QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày 23 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về thực hiện phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Phúc.

CÔNG THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG T. VINH PH.

Số: 2714

Ngày: 29/8/2017

Chuyển:

Lưu hồ sơ:

ỦY BAN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước số 09/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; Nghị định số 04/2016/NĐ-CP ngày 06/01/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 4/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009;

Căn cứ Thông tư số 23/2016/TT-BTC ngày 16/02/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính, Quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội- nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 184/2014/TT-BTC ngày 01/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, khai thác Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2011/NQ-HĐND ngày 19/12/2011 của HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp thứ 3 về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ CQHC, đơn vị SN công lập, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức XH- nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; Nghị quyết số 55/2016/NQ-HĐND ngày 12/12/2016 của HĐND tỉnh khóa XVI, kỳ họp thứ 4 về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 28/2011/NQ-HĐND ngày 19/12/2011 của HĐND tỉnh;

Căn cứ Báo cáo số 37/BC-STP ngày 21/4/2017 của Sở Tư pháp báo cáo kết quả thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 335/TTr-HCSN ngày 09/5/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về thực hiện phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 57/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về ban hành Quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
 - TTTU, TTHĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh (báo cáo);
 - Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
 - Chủ tịch (báo cáo);
 - Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - CPVP;
 - KBNN tỉnh; KBNN các huyện, thành, thị;
 - CV NCTH;
 - Lưu VT,
- (H 220 b). *[Signature]*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Signature]
Lê Duy Thành

QUY ĐỊNH

Thực hiện phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh phúc

(Ban hành kèm theo Quyết định số 28 /2017/QĐ-UBND ngày 23 /8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

CHƯƠNG I - NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Nguyên tắc phân cấp:

1. Phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước nhằm đảm bảo việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước được thực hiện theo đúng quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, tổ chức và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ, được giao. Việc phân cấp phù hợp với quy định về phân cấp quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội, quản lý ngân sách nhà nước và phù hợp với tình hình thực tế, yêu cầu công tác quản lý tài sản công hiện nay của tỉnh.

2. Tài sản nhà nước được đầu tư, trang bị và sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí. Việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước được thực hiện công khai, minh bạch; mọi hành vi vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

3. Việc phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tạo điều kiện và nâng cao năng lực quản lý cho các cơ quan, đơn vị. Đồng thời tăng cường thực hiện công tác giám sát, hướng dẫn, kiểm tra của các cấp, các ngành cũng như các cơ quan, đơn vị về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

4. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao trực tiếp quản lý sử dụng tài sản nhà nước phải quản lý sử dụng tài sản theo đúng chế độ hiện hành và nội dung quy định này; thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi phân cấp

1. Đối tượng phân cấp

Tài sản được hình thành từ các nguồn ngân sách nhà nước, có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo quy định của pháp luật giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng gồm:

- Quyền sử dụng đất đối với đất dùng để xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

- Trụ sở làm việc và tài sản khác gắn liền với đất;

- Phương tiện vận tải;

- Máy móc, thiết bị truyền dẫn, trang thiết bị làm việc;

- Các tài sản khác do pháp luật quy định thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

2. Phạm vi phân cấp

Chủ tịch UBND Tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị và thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn.

Các đối tượng khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

CHƯƠNG II - QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Phân cấp về thẩm quyền trong việc đầu tư, mua sắm tài sản nhà nước

1. Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc: *Thực hiện theo Điểm a, Khoản 4.1, Điều 1 Nghị quyết số 28/2011/NQ-HĐND.*

Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng trụ sở làm việc được thực hiện theo Quyết định của UBND tỉnh về việc thực hiện phân cấp quyết định đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Phân cấp về thẩm quyền mua sắm trang bị ô tô, phương tiện vận tải: *Thực hiện theo Khoản 1, Điều 1 Nghị quyết số 55/2016/NQ-HĐND.*

Chủ tịch UBND tỉnh quyết định theo thẩm quyền quy định tại Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 4/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các quy định hiện hành.

3. Phân cấp về thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản là máy móc, thiết bị truyền dẫn, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác (trừ ô tô, phương tiện vận tải). *Thực hiện theo Điểm c, Khoản 4.1, Điều 1 Nghị quyết số 28/2011/NQ-HĐND và Khoản 2, Điều 1 Nghị quyết số 55/2016/NQ-HĐND.*

a) Đối với nguồn kinh phí thuộc ngân sách nhà nước.

- Cấp tỉnh:

+ Chủ tịch UBND tỉnh quyết định mua sắm các tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh có giá trị từ 500 triệu đến dưới 20.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc giá trị mua sắm từ 500 triệu đồng đến dưới 20.000 triệu đồng cho một gói mua sắm tài sản. Từ 20.000 triệu đồng trở lên báo cáo HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

+ Giám đốc Sở Tài chính quyết định mua sắm các tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh có giá trị từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc giá trị mua sắm từ 400 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng cho một gói mua sắm tài sản.

+ Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định mua sắm tài sản có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc giá trị mua sắm từ 200 triệu đồng đến dưới 400 triệu đồng cho một gói mua sắm tài sản của cơ quan mình và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

+ Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Sở, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định mua sắm tài sản có giá trị dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc giá trị mua sắm dưới 200 triệu đồng cho một gói mua sắm tài sản.

- Cấp huyện:

+ Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị quyết định:

Mua sắm tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện có giá trị từ 100 triệu đồng, của cấp xã từ 200 triệu đồng đến dưới 10.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc giá trị mua sắm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp huyện từ 200 triệu đồng, của cấp xã từ 400 triệu đồng đến dưới 10.000 triệu đồng cho một gói mua sắm tài sản. Từ 10.000 triệu đồng trở lên báo cáo HĐND cùng cấp xem xét, quyết định.

+ Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện (bao gồm các trường trung học cơ sở, trường tiểu học, trường mầm non) quyết định:

Mua sắm tài sản có giá trị dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc giá trị mua sắm dưới 200 triệu đồng cho một gói tài sản.

- Cấp xã:

Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn quyết định mua sắm tài sản có giá trị dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc giá trị mua sắm dưới 400 triệu đồng cho một gói mua sắm tài sản.

b) Đối với nguồn thu từ phí, lệ phí được để lại sử dụng, thu hoạt động sự nghiệp, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định (nếu có).

Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập quyết định việc mua sắm tài sản theo qui định hiện hành.

Điều 4. Phân cấp về thẩm quyền quyết định thuê trụ sở làm việc, tài sản khác phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Thực hiện theo Khoản 3, Điều 1 Nghị quyết số 55/2016/NQ-HĐND.

1. Thuê trụ sở làm việc:

- Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc để phục vụ hoạt động trong phạm vi nguồn dự toán kinh phí được giao sau khi có ý kiến đồng ý của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Chủ tịch UBND huyện, thành, thị, Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn quyết định thuê trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Thuê tài sản khác:

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định phù hợp với tiêu chuẩn, định mức, chế độ hiện hành.

Điều 5. Phân cấp về thẩm quyền thu hồi tài sản Nhà nước

Thực hiện theo Khoản 4.3, Điều 1 Nghị quyết số 28/2011/NQ-HĐND.

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thu hồi đối với các loại tài sản nhà nước sau đây:

- Trụ sở làm việc, và các tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý;

- Ô tô, phương tiện vận tải, tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên /01 đơn vị tài sản giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý;

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thu hồi đối với những tài sản không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý có giá trị từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh quyết định thu hồi đối với những tài sản không thuộc quy định tại khoản 1 và 2 Điều này của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc .

4. Chủ tịch UBND huyện, thành, thị quyết định thu hồi đối với những tài sản không thuộc quy định tại khoản 1 và 2 Điều này của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc huyện, thành, thị (bao gồm cả cấp xã).

Điều 6. Phân cấp về thẩm quyền điều chuyển tài sản nhà nước

Thực hiện theo Khoản 4.4, Điều 1 Nghị quyết số 28/2011/NQ-HĐND.

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định:

Điều chuyển trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất); xe ô tô, phương tiện vận tải; các tài sản khác có nguyên giá

theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh quản lý.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định:

- Điều chuyển các loại tài sản nhà nước không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo đề nghị của Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị có liên quan.

- Điều chuyển tài sản nhà nước không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác ngành, khác huyện quản lý theo đề nghị của Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị có liên quan.

3. Chủ tịch UBND huyện, thành, thị quyết định điều chuyển tài sản nhà nước không thuộc quy định tại khoản 1 và 2 Điều này trong phạm vi nội bộ các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc huyện, thành, thị quản lý (bao gồm cả cấp xã).

4. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản nhà nước không thuộc quy định tại khoản 1 và 2 Điều này trong nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 7. Phân cấp về thẩm quyền thanh lý tài sản nhà nước

Thực hiện theo Khoản 4, Điều 1 Nghị quyết số 55/2016/NQ-HĐND.

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định:

- Thanh lý trụ sở làm việc hoặc tài sản khác gắn liền với đất đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, thuộc cấp tỉnh.

- Thanh lý ô tô, phương tiện vận tải của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Thanh lý tài sản là máy móc, thiết bị truyền dẫn, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác có nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản là máy móc, thiết bị truyền dẫn, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác có nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

3. Chủ tịch UBND huyện, thành, thị quyết định:

- Thanh lý trụ sở làm việc hoặc tài sản khác gắn liền với đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc huyện, thành, thị quản lý (bao gồm cả cấp xã).

- Thanh lý tài sản là máy móc, thiết bị truyền dẫn, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác có nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện; từ 200 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của cấp xã.

4. Thủ trưởng các Sở, ban ngành, Đoàn thể, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản Nhà nước đối với những tài sản là máy móc, thiết bị truyền dẫn, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác, có nguyên giá ghi trên sổ kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của các cơ quan, đơn vị, tổ chức trực thuộc.

5. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các Sở, ban ngành, Đoàn thể, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quyết định thanh lý tài sản Nhà nước đối với những tài sản là máy móc, thiết bị truyền dẫn, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác có nguyên giá ghi trên sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản thuộc phạm vi quản lý

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản Nhà nước đối với những tài sản là máy móc, thiết bị truyền dẫn, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác có nguyên giá ghi trên sổ kế toán dưới 200 triệu đồng/1 đơn vị tài sản thuộc phạm vi quản lý.

Điều 8. Phân cấp về thẩm quyền bán tài sản nhà nước

Thực hiện theo Khoản 4.6, Điều 1 Nghị quyết số 28/2011/NQ-HĐND.

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định bán tài sản nhà nước là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất).

Đối với trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất) có giá trị từ 20 tỷ đồng trở lên UBND tỉnh xây dựng phương án bán báo cáo HĐND tỉnh; trường hợp đột xuất phát sinh giữa hai kỳ họp thì thống nhất ý kiến với thường trực HĐND tỉnh trước khi quyết định, báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định bán tài sản là ô tô, phương tiện vận tải; các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản trên địa bàn tỉnh.

3. Giám đốc Sở Tài chính quyết định bán tài sản nhà nước không thuộc quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này nêu trên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh.

4. Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị quyết định bán tài sản nhà nước không thuộc quy định tại khoản 1 và 2 Điều này của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc huyện, thành, thị quản lý (bao gồm cả cấp xã).

Điều 9. Phân cấp về thẩm quyền tiêu hủy tài sản nhà nước

Thực hiện theo Khoản 4.7, Điều 1 Nghị quyết số 28/2011/NQ-HĐND.

1. Đối với tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị phải tiêu hủy: cơ quan nào có thẩm quyền quyết định đầu tư mua sắm thì cơ quan đó ra quyết định tiêu hủy.

2. Đối với tài sản nhà nước bị tiêu hủy theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật.

Điều 10. Phân cấp việc nhập dữ liệu tài sản

Các tài sản nhà nước phải thực hiện báo cáo kê khai vào phần mềm đăng ký quản lý tài sản nhà nước gồm: Trụ sở làm việc, quyền sử dụng đất để xây dựng trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô các loại; các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

1. Sở Tài chính thực hiện nhập dữ liệu tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc khối tỉnh.

2. Phòng Tài chính- kế hoạch huyện, thành, thị thực hiện nhập dữ liệu tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cấp huyện, thành, thị (bao gồm cả cấp xã).

CHƯƠNG III - TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan và theo phân cấp tại Quy định này. Các nội dung khác có liên quan không quy định cụ thể trong bản quy định này thì được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/06/2009 của Chính phủ, Nghị định số 04/2016/NĐ-CP ngày 06/01/2016 của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính, Thông tư 184/2014/TT-BTC ngày 01/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan và UBND các huyện, thành, thị hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy định này.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc các cơ quan, đơn vị phản ánh về UBND tỉnh (thông qua Sở Tài chính để tổng hợp, đề xuất báo cáo UBND tỉnh) xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Duy Thành